

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Mã số thuế: 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P.Cát Lái,

Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2022	Số đầu năm 01/1/2022
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		391.484.186.789	377.629.513.296
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	128.614.313.716	122.554.846.979
1.Tiền	111		46.614.313.716	35.553.841.959
2.Các khoản tương đương tiền	112		82.000.000.000	87.001.005.020
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	125.700.000.000	107.000.000.000
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		125.700.000.000	107.000.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.881.115.618	133.896.799.983
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	102.110.121.450	124.012.058.326
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	12.157.913.467	7.574.959.131
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.286.579.588	8.479.979.411
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(5.673.498.887)	(6.170.196.885)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		5.651.097.324	4.698.059.931
1.Hàng tồn kho	141	V.7	5.651.097.324	4.698.059.931
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		12.637.660.131	9.479.806.403
1.Chỉ phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	12.610.992.666	9.360.310.952
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	106.837.810
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	26.667.465	12.657.641
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		191.954.457.003	233.320.147.310
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		-	6.755.256.000
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	6.755.256.000
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.Tài sản cố định	220		169.114.905.458	210.415.796.822
1.Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	160.943.150.500	203.514.090.171
- Nguyên giá	222		749.464.322.477	747.460.244.447
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(588.521.171.977)	(543.946.154.276)
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2022	Số đầu năm 01/1/2022
I	2	3	4	5
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3.Tài sản cố định vô hình	227	V.10	8.171.754.958	6.901.706.651
- Nguyên giá	228		17.722.654.958	14.204.530.146
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9.550.900.000)	(7.302.823.495)
III.Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV.Tài sản dở dang dài hạn	240		712.237.403	2.168.907.850
1.Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	712.237.403	2.168.907.850
V.Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.935.335.108	-
1.Đầu tư vào công ty con	251			
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	2.935.335.108	
3.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4.Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI.Tài sản dài hạn khác			19.191.979.034	13.980.186.638
1.Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	18.078.835.382	12.914.539.860
2.Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.113.143.652	1.065.646.778
3.Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		583.438.643.792	610.949.660.606
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2022	Số đầu năm 01/1/2022
I	2	3	4	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		231.336.230.938	271.932.346.357
I.Nợ ngắn hạn	310		181.211.452.153	201.894.254.579
1.Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	52.036.093.946	67.142.570.653
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		54.027.000	41.375.000
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.578.466.118	10.800.131.791
4.Phải trả người lao động	314		45.714.747.189	36.571.774.628
5.Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.994.330.660	8.139.185.449
6.Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	12.574.967.854	13.568.065.044
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	16.637.572.027	20.893.920.814
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	40.621.247.359	44.737.231.200
13.Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.Nợ dài hạn	330		50.124.778.785	70.038.091.778
1.Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.621.612.981	8.669.612.981
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	41.503.165.804	61.368.478.797
9.Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

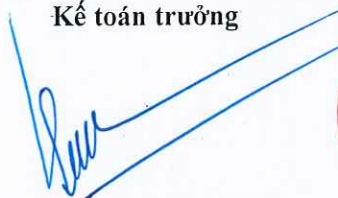
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2022	Số đầu năm 01/1/2022
1	2	3	4	5
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		352.102.412.854	339.017.314.249
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.19	352.102.412.854	339.017.314.249
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.Cổ phiếu quỹ	415			
6.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		71.297.798.567	62.888.443.664
9.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.845.542.890	46.560.774.278
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.217.400.524	46.560.774.278
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.628.142.366	
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13.Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		31.048.871.397	29.657.896.307
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		583.438.643.792	610.949.660.606

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023



Trần Quang Thảo

CTY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Mã số thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P. Cát Lái, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 4 Năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2022	Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	208.905.852.855	180.699.753.033	930.080.328.128	800.514.379.352
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		208.905.852.855	180.699.753.033	930.080.328.128	800.514.379.352
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	159.228.531.644	141.591.292.695	719.303.997.003	632.226.471.321
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		49.677.321.211	39.108.460.338	210.776.331.125	168.287.908.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.926.498.928	3.300.594.982	8.519.755.413	8.232.889.139
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	22 23	VI.4	1.448.320.204 1.050.665.942 (664.664.892)	1.295.180.396 1.262.403.299	5.148.915.523 4.738.855.501 (664.664.892)	6.135.747.320 6.003.552.625 -
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết						
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9.855.420.832	3.981.794.364	28.136.976.914	9.424.337.804
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	26.338.822.842	25.479.726.906	69.713.338.616	60.306.210.025
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		15.296.591.369	11.652.353.654	115.632.190.593	100.654.502.021
12. Thu nhập khác	31	VI.7	369.139.515	290.966.218	797.331.933	554.668.449
13. Chi phí khác	32	VI.8	446.009.191	228.195.115	1.662.986.380	1.486.269.590
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(76.869.676)	62.771.103	(865.654.447)	(931.601.141)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		15.219.721.693	11.715.124.757	114.766.536.146	99.722.900.880

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2022	Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3				
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.065.941.958	4.133.264.747	27.531.329.680	23.528.459.866
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	2.123.709.901	1.097.880.683	(47.496.874)	(399.262.712)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51 - 52)	60		8.030.069.835	6.483.979.327	87.282.703.340	76.593.703.726
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		5.963.245.734	4.530.249.196	81.062.549.015	71.535.050.918
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.066.824.101	1.953.730.131	6.220.154.325	5.058.652.808
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	293	223	2.603	2.404
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	293	223	2.603	2.404

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNGMã Số Thuế : **0309532497**Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P. Cát Lái, Tp. Thủ Đức,
Tp. HCM

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	114.766.536.146	99.722.900.880
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	42.426.759.128	51.668.364.416
-	Các khoản dự phòng	03	(496.697.998)	1.931.203.003
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	312.515.191	32.028.363
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.353.930.139)	(8.137.857.193)
-	Chi phí lãi vay	06	4.738.855.501	6.003.552.625
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	154.394.037.829	151.220.192.094
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	23.399.421.314	23.777.883.269
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(953.037.393)	(974.508.076)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.519.622.207)	(22.369.213.835)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(8.414.977.236)	(5.566.541.614)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(4.750.144.122)	(6.020.284.615)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.876.398.121)	(21.733.510.641)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	62.000.000	74.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(34.458.548.574)	(23.646.476.716)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	94.882.731.490	94.761.539.866
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.464.714.438)	(29.079.179.898)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(73.700.000.000)	(70.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	55.000.000.000	31.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.600.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.298.893.903	7.980.254.935
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.465.820.535)	(60.098.924.963)

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp	31		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu,	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.400.000.000	17.160.701.632
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(31.521.661.780)	(38.445.203.216)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(43.916.812.600)	(55.825.013.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(68.038.474.380)	(77.109.514.584)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.378.436.575	(42.446.899.681)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	122.554.846.979	165.025.053.750
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(318.969.838)	(23.307.090)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	128.614.313.716	122.554.846.979

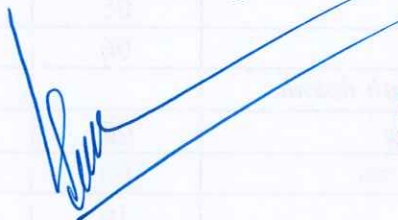
Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



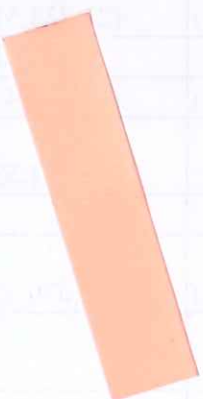




Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Trần Quang Thảo



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ, 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 1 công ty liên kết, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, nhóm công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

5c. Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	9B Tú Xương, P. Võ Thị Sáu, Q3, Tp. HCM	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,0%	36,0%	36,0%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và công ty con có 662 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 655 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty và công ty con chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và các công ty con chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và công ty con là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và các công ty con) đến các tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty và công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và công ty con hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.090.089.160	2.718.015.620
Tiền gửi ngân hàng	44.524.224.556	32.835.826.339
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	82.000.000.000	87.001.005.020
Cộng	<u>128.614.313.716</u>	<u>122.554.846.979</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 01 năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Theo Giấy phép Kinh doanh số 0316787129 ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 21 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp; Theo đề nghị triển khai góp vốn đợt 1 ngày 31/10/2022 của Cty Cp Kho vận Tân Cảng, Công ty đã thực hiện góp vốn đợt 1 vào công ty CP Tân Cảng Express.

Số vốn góp đợt 1: 3.600.000.000 đồng

Phần lỗ trong công ty liên kết: -664.664.892 đồng được thể hiện tại chỉ tiêu số 8 – Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết trên báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và cộng vào chỉ tiêu đầu tư góp vốn vào công ty liên kết, liên doanh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	50.415.507.670	66.612.819.878
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	47.172.230.290	59.340.681.323
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		7.326.290
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	491.132.000	416.091.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	198.540.180	175.909.565
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	2.519.415.200	6.617.350.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu		55.461.500
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng- Long Bình	34.190.000	
Phải thu các khách hàng khác	51.694.613.780	57.399.238.448
Cộng	<u>102.110.121.450</u>	<u>124.012.058.326</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	990.553.968	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	990.553.968	
Trả trước cho người bán khác	11.167.359.499	7.574.959.131
Công ty TNHH Hiệp Lực	6.755.255.999	6.755.256.000
Công ty CP Xây dựng và Kết cấu Thép Á Long	1.524.400.000	
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico	2.068.000.000	
Các nhà cung cấp khác	819.703.500	819.703.131
Cộng	12.157.913.467	7.574.959.131

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Công ty không có khoản trả trước người bán dài hạn.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.159.615.471	-	1.622.957.976	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Tiền ăn ca, phí làm hàng	2.130.328.071	-	1.622.957.976	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Cảng Cát Lái - Các khoản chi hộ	29.287.400	-		-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.126.964.117	-	6.857.021.435	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.148.207.498	-	1.428.506.370	-
Ký cược, ký quỹ	137.700.000	-	306.400.000	-
Tạm ứng	2.840.036.793	-	1.466.320.097	-
Các khoản chi hộ	2.850.212.073	-	3.187.000.974	-
Các khoản phải thu khác	150.807.753	-	468.793.994	-
Cộng	10.286.579.588	-	8.479.979.411	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH TMDV Hải Lưu	441.997.000	(441.997.000)	516.997.000	(516.997.000)
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	2.972.614.417	(2.972.614.417)	2.972.614.417	(2.972.614.417)
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hiệp Toàn	721.400.000	(721.400.000)	721.400.000	(721.400.000)
Công ty Cổ phần Thương mại MDK			273.920.000	(136.960.000)
	223.920.000	(156.744.000)	-	-
Các khách hàng khác	1.004.123.982	(1.004.123.982)	1.490.086.981	(1.490.086.981)
	544.885.000	(376.619.488)	89.120.000	(62.384.000)
			516.234.935	(258.117.467)
			38.790.065	(11.637.020)
Cộng	5.908.940.399	(5.673.498.887)	6.619.163.398	(6.170.196.885)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.170.196.885	4.238.993.882
Trích lập dự phòng bổ sung	142.172.001	2.361.154.086
Hoàn nhập dự phòng	(638.869.999)	(429.951.083)
Số cuối năm	5.673.498.887	6.170.196.885

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.435.236.615	4.523.057.442
Công cụ, dụng cụ	215.860.709	175.002.489
Cộng	<u>5.651.097.324</u>	<u>4.698.059.931</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	2.063.242.104	3.193.819.864
Chi phí sửa chữa	5.507.574.095	667.875.288
Chi phí bảo hiểm	4.574.904.845	4.748.992.225
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	465.271.622	749.623.575
Cộng	<u>12.610.992.666</u>	<u>9.360.310.952</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.939.813.475	2.007.649.326
Chi phí sửa chữa	12.462.621.175	10.183.331.151
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.616.847.215	723.559.383
Cộng	<u>18.078.835.382</u>	<u>12.914.539.860</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	170.589.078.099	278.358.245.532	235.694.830.089	4.905.225.743	57.912.864.984	747.460.244.447
Mua trong năm	-	260.000.000	-	-	161.100.000	421.100.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.941.866.452	-	-	-	717.643.932	2.659.510.384
Thanh lý, nhượng bán		(928.955.354)			(147.577.000)	(1.076.532.354)
Số cuối năm	172.530.944.551	277.689.290.178	235.694.830.089	4.905.225.743	58.644.031.916	749.464.322.477
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.922.613.962	98.517.509.547	146.122.917.144	4.728.335.743	26.375.489.524	324.666.865.920
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	82.615.022.531	207.092.830.388	203.104.397.730	4.787.299.067	46.346.604.560	543.946.154.276
Khấu hao trong năm	8.407.787.667	20.315.540.076	13.007.213.981	48.056.670	3.872.951.661	45.651.550.055
Thanh lý, nhượng bán		(928.955.354)			(147.577.000)	(1.076.532.354)
Số cuối năm	91.022.810.198	226.479.415.110	216.111.611.711	4.835.355.737	50.071.979.221	588.521.171.977
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	87.974.055.568	71.265.415.144	32.590.432.359	117.926.676	11.566.260.424	203.514.090.171
Số cuối năm	81.508.134.353	51.209.875.068	19.583.218.378	69.870.006	8.572.052.695	160.943.150.500
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 74.307.355.936 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của NH TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, NH TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và NH TMCP Ngoại thương – CN Thủ Thiêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	14.204.530.146	(7.302.823.495)	6.901.706.651
Mua trong năm	150.000.000		150.000.000
Tặng khác	3.368.124.812		3.368.124.812
Khấu hao trong năm		(2.248.076.505)	(2.248.076.505)
Số cuối năm	17.722.654.958	9.550.900.000	8.171.754.958

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 3.698.631.800 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	926.085.312	926.085.312	-
Xây dựng cơ bản dở dang	2.168.907.850	1.202.839.937	2.659.510.384	712.237.403
<i>Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái</i>	<i>2.061.680.577</i>		<i>1.607.558.425</i>	<i>454.122.152</i>
<i>Công trình kho CFS 01</i>	<i>107.227.273</i>	<i>944.724.686</i>	<i>1.051.951.959</i>	
<i>Dự án 3,2ha Cảng Phú Hữu</i>		<i>51.412.844</i>		<i>51.412.844</i>
<i>Chi phí lập báo cáo KTKT công trình mái Canopy kho 2,3 GD2</i>		<i>206.702.407</i>		<i>206.702.407</i>
Cộng	2.168.907.850	2.128.925.249	3.585.595.696	712.237.403

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.065.646.778	666.384.066
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	47.496.874	399.262.712
<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>1.113.143.652</i>	<i>1.065.646.778</i>
<i>Hoàn nhập trong năm</i>	<i>(1.065.646.778)</i>	<i>(666.384.066)</i>
Số cuối năm	1.113.143.652	1.065.646.778

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	17.980.758.899	17.742.658.325
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.119.210.709	1.989.337.587
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	10.022.767.780	5.882.608.499
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	3.138.719.066	6.633.567.076
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	316.850.000	106.733.500
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	30.299.400	49.784.725
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	539.672.598	277.277.540
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.278.249.521	1.026.518.001
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	19.452.000	19.452.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	49.137.840	38.085.300
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	299.763.720	354.286.350
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		157.730.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		3.374.800
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép		2.600.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	584.163.052	1.045.310.946
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS – Cát Lái	408.195.212	
Công ty Cổ phần DV Tân Cảng Thạnh Phước	125.766.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	44.172.000	135.997.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	4.340.001	19.995.001
Phải trả các nhà cung cấp khác	34.055.335.047	49.399.912.328
Cộng	52.036.093.946	67.142.570.653

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.225.004.920		- 33.425.054.660	(32.165.755.863)	2.484.303.717	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.363.755.358		- 27.531.329.680	(31.876.398.121)	3.018.686.917	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	931.473.208		- 904.589.131	(1.187.329.589)	648.732.750	
Thuế thu nhập cá nhân	1.279.898.305		- 8.872.788.492	(8.739.953.887)	1.426.742.734	14.009.824
Các loại thuế khác			- 80.724.568	(80.724.568)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12.657.641	174.156.947	(174.156.947)		12.657.641
Cộng	10.800.131.791	12.657.641	70.988.643.478	(74.224.318.975)	7.578.466.118	26.667.465

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ (mức thuế suất áp dụng từ 01/02/2022 theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP). Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8 %
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	784.158.906	792.112.896
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Chi phí sử dụng dịch vụ	711.575.450	460.263.683
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - phí nâng hạ	1.676.000	326.354.594
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	20.657.456	5.494.619
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Thạnh Phước - Chi phí vận chuyển	50.250.000	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.210.171.754	7.347.072.553
Chi phí lãi vay phải trả	49.884.269	61.172.890
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	3.766.762.696	3.106.199.780
Chi phí cho người lao động	540.231.514	1.184.506.320
Trích trước nguyên giá Kho CFS 01		2.303.217.658
Chi phí hoa hồng nâng hạ	588.489.681	297.726.818
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	264.803.594	394.249.087
Cộng	<u>5.994.330.660</u>	<u>8.139.185.449</u>

16. Phải trả ngắn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	3.618.356.526	3.725.892.827
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	3.618.356.526	3.725.892.827
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	8.956.611.328	9.842.172.217
Kinh phí công đoàn	1.228.357.038	1.060.040.455

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.589.236.859	1.670.208.242
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.766.202.624	1.506.546.342
Cổ tức phải trả	2.390.046.750	2.549.819.350
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.982.768.057	3.055.557.828
Cộng	<u>12.574.967.854</u>	<u>13.568.065.044</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	8.621.612.981	8.621.612.981
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	8.621.612.981	8.621.612.981
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		48.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		48.000.000
Cộng	<u>8.621.612.981</u>	<u>8.669.612.981</u>

(*) Là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng (bên liên quan) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận hàng tháng sẽ được xác định sau khi được hạch toán tất cả các phí quản lý liên quan đến vận hành cầu và chi phí trả lãi và gốc trên vốn vay ngân hàng cũng như hoàn tất các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước, lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (xem thuyết minh V.17b).

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	11.757.017.937	17.070.509.580
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	4.067.434.090	3.010.291.234
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	813.120.000	813.120.000
Cộng	<u>16.637.572.027</u>	<u>20.893.920.814</u>

Công ty và công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>
Số đầu năm	20.893.920.814
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	
Kết chuyển từ vay dài hạn	18.758.113.633
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(23.014.462.420)
Số cuối kỳ	<u>16.637.572.027</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	18.726.635.352	40.054.251.399
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	20.337.170.452	18.061.747.398
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Vietcombank - Chi nhánh Thủ Thiêm ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.439.360.000	3.252.480.000
Cộng	<u>41.503.165.804</u>	<u>61.368.478.797</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) vay theo các hợp đồng vay trong năm 2015, 2018 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động từ 7,1%/năm đến 10,0%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực (Công ty con) vay theo các hợp đồng ký kết tháng 12 năm 2019 để mua các tài sản cố định (xe đầu kéo, cầu gập container), thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất trong kỳ từ 9,4% - 9,9%. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (Lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19/11/2010 và các phụ lục kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

(iii) Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng tín dụng số 233/VCB.TT/21DH ngày 02 tháng 12 năm 2021 để đầu tư 04 Xe Nâng điện Reach Truck. Lãi suất ưu đãi 24 tháng đầu tiên là 7,6%/năm, sau thời gian ưu đãi là lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	16.637.572.027	20.893.920.814
Trên 1 năm đến 5 năm	37.435.731.712	55.347.896.229
Trên 5 năm	4.067.434.092	6.020.582.568
Cộng	<u>58.140.737.831</u>	<u>82.262.399.611</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	61.368.478.797	74.620.101.187
Số tiền vay phát sinh	7.400.000.000	17.160.701.632
Số tiền vay đã trả	(8.507.199.360)	(9.518.403.208)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(18.758.113.633)	(20.893.920.814)
Số cuối kỳ	41.503.165.804	61.368.478.797

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	8.834.801.766	35.446.429.434	456.000.000	44.737.231.200
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	14.586.599.177	14.821.465.556	872.500.000	30.280.564.733
Tăng khác	62.000.000			62.000.000
Chi quỹ trong năm	(13.817.900.000)	(19.984.648.574)	(656.000.000)	(34.458.548.574)
Số cuối kỳ	9.665.500.943	30.283.246.416	672.500.000	40.621.247.359

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	199.910.200.000	41.417.969.445	85.934.058.098	29.632.969.100	356.895.196.643
Lợi nhuận trong năm trước			71.535.050.918	5.058.652.808	76.593.703.726
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước			(51.976.652.000)	(4.370.000.000)	(56.346.652.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước tại Cty mẹ	-	21.017.101.629	(57.630.629.489)	-	(36.613.527.860)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước tại các công ty con	-	453.372.590	(1.301.053.249)	(663.725.601)	(1.511.406.260)
Số dư cuối năm trước	199.910.200.000	62.888.443.664	46.560.774.278	29.657.896.307	339.017.314.249
Số dư đầu năm nay	199.910.200.000	62.888.443.664	46.560.774.278	29.657.896.307	339.017.314.249
Lợi nhuận trong năm nay			81.062.549.015	6.220.154.325	87.282.703.340
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước			(39.982.040.000)	(3.775.000.000)	(43.757.040.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay Công ty mẹ		7.875.720.690	(36.015.258.683)		(28.139.537.993)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước tại Công ty con			(361.333.754)	(347.163.802)	(708.497.556)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay tại Công ty con		533.634.213	(1.419.147.966)	(707.015433)	(1.592.529.186)
Số dư cuối năm nay	199.910.200.000	71.297.798.567	49.845.542.890	31.048.871.397	352.102.412.854

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	199.910.200.000	199.910.200.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	59,01%	117.970.500.000	-
Các cổ đông khác	81.939.700.000	40,99%	81.939.700.000	-
Cộng	199.910.200.000	100,00%	199.910.200.000	-

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Tại Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 như sau::

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 39.982.040.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 7.875.720.690
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 27.667.037.993
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 472.500.000

Tại Công ty con

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 ngày 31 tháng 3 năm 2022 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 6.000.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 928.059.501

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	928.059.500
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	:	200.000.000

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 09/NQ-ĐHCD-TCHL-2022 ngày 25 tháng 3 năm 2022 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	2.500.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	348.497.556
• Trích thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	160.000.000
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	200.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	464.469.684

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 754.355,21 USD (số đầu năm là 182.059,45 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	410.816.201	51.505.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	929.669.511.927	800.462.873.625
Cộng	930.080.328.128	800.514.379.352

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	385.660.923.707	302.389.305.750
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	2.203.551.020	606.440.907
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	31.657.407	
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.399.918.635	2.023.497.096
Công ty Cổ phần DV Kỹ thuật Tân Cảng	4.200.000	35.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.319.060.000	596.427.481
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	150.900.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	16.500.000	8.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	29.800.000	98.325.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	42.295.245	42.119.365
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	188.674.074	16.228.248.258
Công ty Cổ phần Vận tải thủy Tân Cảng		9.681.818
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng Cái Mép Thị Vải		270.531.250
Công ty Cổ Phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		40.600.000
Công ty Cổ Phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		18.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân cảng Hiệp Phước	8.445.152	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	44.000.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	7.915.306	
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	405.576.784	50.751.643
Giá vốn cung cấp dịch vụ	718.898.420.219	632.175.719.678
Cộng	<u>719.303.997.003</u>	<u>632.226.471.321</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.018.595.031	8.137.857.193
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	478.419.691	95.031.946
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.740.691	
Cộng	<u>8.519.755.413</u>	<u>8.232.889.139</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.738.855.501	6.003.552.625
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	90.368.898	108.694.511
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	319.691.124	23.500.184
Cộng	<u>5.148.915.523</u>	<u>6.135.747.320</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.123.734.473	4.093.778.521
Các chi phí khác	6.013.242.441	5.330.559.283
Cộng	<u>28.136.976.914</u>	<u>9.424.337.804</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	17.831.890.436	16.415.547.457
Chi phí vật liệu quản lý	1.159.068.034	951.279.828
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.853.465.390	1.629.513.950

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	955.804.893	1.210.783.268
Thuế, phí và lệ phí	148.458.585	166.185.849
Dự phòng khó đòi	(496.697.998)	1.931.203.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.914.324.553	4.758.909.678
Các chi phí khác	42.347.024.723	33.242.786.992
Cộng	69.713.338.616	60.306.210.025
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ tiền bồi thường	162.960.203	258.800.000
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	319.716.547	208.626.218
Các khoản thu nhập khác	314.655.183	87.242.231
Cộng	797.331.933	554.668.449
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí phải trả thưởng nhiên liệu	356.638.606	289.890.417
Chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa	123.462.702	653.502.050
Thuế bị phạt, bị truy thu	658.686.846	86.891.568
Các khoản chi phí khác	524.198.226	455.985.555
Cộng	1.662.986.380	1.486.269.590
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.113.143.652)	(1.065.646.778)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.065.646.778	666.384.066
Cộng	(47.496.874)	(399.262.712)
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	81.062.549.015	71.535.050.918
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(29.025.051.744)	(23.482.705.922)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành</i>	(29.025.051.744)	(23.482.705.922)
Trong đó		
<i>Tại Công ty mẹ</i>	(28.139.537.993)	(22.914.333.333)
<i>Tại các Công ty con</i>	(885.513.751)	(568.372.589)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	52.037.497.271	48.052.344.996

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.991.020	19.991.020
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.603	2.404

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.641.783.272	68.110.663.798
Chi phí nhân công	211.378.143.825	184.628.989.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.402.603.263	51.668.364.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.077.670.083	338.399.588.779
Chi phí khác	86.248.535.306	59.098.660.920
Cộng	816.748.735.749	701.906.267.507

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và các công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Năm nay	Tiền lương	Thưởng	Thưởng BDH	Thù lao	Cộng thu nhập
Hội đồng quản trị					
Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT	675.215.986	250.005.887	43.180.724		968.402.597
Ông Trịnh Văn Mọi - Thành viên HĐQT			30.843.373	60.000.000	90.843.373
Ông Đỗ Xuân Minh - Thành viên HĐQT			30.843.373	60.000.000	90.843.373
Ông Trần Quang Thảo - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	696.703.630	242.950.412	113.795.087	154.666.667	1.208.115.796
Ông Đoàn Phi - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	540.503.590	195.572.450	32.899.598	60.000.000	828.975.638
Ban Kiểm soát					
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Trưởng BKS			13.365.462	60.000.000	73.365.462
Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên BKS			7.196.787	30.000.000	37.196.787
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên BKS			7.196.787	30.000.000	37.196.787
Ban Giám đốc					
Ông Bùi Văn Bằng - Phó Giám đốc	533.595.467	172.589.410	26.730.924		732.915.801
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kế toán trưởng	324.453.995	148.409.173	24.674.699	66.000.000	563.537.867
Cộng	2.770.472.668	1.009.527.332	330.726.814	520.666.667	4.631.393.481
Năm trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT	591.285.965	262.527.278	38.006.757	-	891.820.000
Ông Trịnh Văn Mọi - Thành viên HĐQT	-	-	54.295.367	60.000.000	114.295.367
Ông Đỗ Xuân Minh - Thành viên HĐQT	-	-	54.295.367	60.000.000	114.295.367
Ông Trần Quang Thảo - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	515.546.870	228.143.343	68.774.131	60.000.000	872.464.344
Ông Đoàn Phi - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	397.373.793	179.613.095	57.915.058	60.000.000	694.901.946
Ban Kiểm soát					
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Trưởng BKS (từ 17/6/2021)	-	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Mai Thị Trâm - Trưởng BKS (đến 17/6/2021)	-	-	23.527.992	30.000.000	53.527.992
Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên BKS	-	-	7.239.382	30.000.000	37.239.382
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên BKS (từ 17/6/2021)	-	-	-	15.000.000	15.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Tiền lương	Thưởng	Thưởng BĐH	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Ngô Đa NghiêM Minh - Thành viên BKS (đến 17/6/2021)	119.504.176	62.598.539	12.668.919	15.000.000	209.771.634
Ban Giám đốc					
Ông Nguyễn Duy Thanh - Phó Giám đốc (đến 28/4/2021)	133.499.761	120.805.126	47.055.985	-	301.360.872
Ông Bùi Văn Bằng - Phó Giám đốc (từ 11/5/2021)	236.640.372	57.693.162	-	-	294.333.534
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kế toán trưởng	286.496.102	142.375.133	43.436.293	30.000.000	502.307.528
Cộng	2.280.347.039	1.053.755.676	407.215.251	390.000.000	4.131.317.966

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty và các công ty con gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty và công ty con còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Công ty mẹ cung cấp dịch vụ</i>	9.744.206.821	22.875.988.412
<i>Công ty mẹ cho thuê Cơ sở Hạ tầng</i>	44.142.264.000	27.060.000.000
<i>Chia cổ tức cho Công ty mẹ</i>	23.594.100.000	30.672.330.000
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	38.107.417.244	17.723.545.756
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	8.188.033.165	12.029.340.108
Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Quốc Tế Cảng Cát Lái	571.040.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	199.038.813	249.861.447
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.258.903.650	1.256.654.682
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	3.541.112.618	2.833.329.303
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	478.154.259	150.522.546
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.617.076.000	1.419.345.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	29.349.000	71.571.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	367.500.000	154.400.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	153.586.458	168.323.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	1.433.132.783	1.680.363.637
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tiếp Vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	31.111.111	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Tân Cảng Thạnh Phước	1.959.150.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	3.366.197.471	2.729.604.144
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	16.452.687	366.364
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	134.756.708	58.703.421
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	6.499.998	
Công ty Cổ phần Tiếp vận SITC Tân Cảng - CN Bình Dương	115.206.899	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

